

G - BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG

G1 - BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG LÂM SÀNG NHÂN KHOA (OCEX) ¹

<p>OCEX được thiết kế để đánh giá kỹ năng lâm sàng của bác sĩ nhân khoa bằng quan sát việc tiếp xúc lần đầu của bác sĩ với người bệnh. Người đánh giá phải có mặt tại phòng khám và quan sát toàn bộ quá trình tương tác. Mục đích là đánh giá tất cả các nội dung dưới đây rồi so sánh với mục tiêu học tập và đưa ý kiến phản hồi ngay sau đó. Hệ thống cho điểm như sau:</p> <p>1 - Không đạt yêu cầu 2 – Đạt yêu cầu một phần 3 – Đạt yêu cầu 4 – Vượt trên mong đợi K - Không áp dụng</p>												
Kỹ năng hỏi bệnh												
1. Giới thiệu bản thân.	1	2	3	4	K	7. Hỏi dấu hiệu toàn thân.	1	2	3	4	K	
2. Hỏi được lý do đến khám.	1	2	3	4	K	8. Các thuốc đã dùng.	1	2	3	4	K	
3. Hỏi được bệnh sử.	1	2	3	4	K	9. Tiền sử bệnh.	1	2	3	4	K	
4. Hỏi những dấu hiệu dương tính và âm tính phù hợp.	1	2	3	4	K	10. Tiền sử xã hội.	1	2	3	4	K	
5. Hỏi về đau.	1	2	3	4	K	11. Tiền sử gia đình.	1	2	3	4	K	
6. Hỏi về tiền sử dị ứng.	1	2	3	4	K	12. Rửa tay.	1	2	3	4	K	
Khám bệnh												
1. Đo thị lực.	1	2	3	4	K	5. Phần phụ cận.	1	2	3	4	K	
2. Đồng tử/ RAPD.	1	2	3	4	K	6. Khám sinh hiển vi.	1	2	3	4	K	
3. Thị trường.	1	2	3	4	K	7. Đo nhãn áp (có thể soi góc).	1	2	3	4	K	
4. Vận nhãn.	1	2	3	4	K	8. Soi đáy mắt.	1	2	3	4	K	
Kỹ năng giao tiếp/ chuyên nghiệp												
1. Thân thiện	1	2	3	4	K	5. Giải thích chẩn đoán.	1	2	3	4	K	
2. Tôn trọng, nhã nhặn.	1	2	3	4	K	6. Giải thích hướng xử trí, lựa chọn điều trị.	1	2	3	4	K	
3. Sử dụng ngôn ngữ dễ hiểu.	1	2	3	4	K	7. Hỏi NB có câu hỏi?	1	2	3	4	K	
4. Giải thích các kết quả khám.	1	2	3	4	K							
Trình bày ca bệnh												
1. Ngắn gọn, xúc tích.	1	2	3	4	K	4. Chẩn đoán phân biệt phù hợp.	1	2	3	4	K	
2. Mô tả dữ liệu thực tế.	1	2	3	4	K	5. Kế hoạch điều trị phù hợp.	1	2	3	4	K	
3. Triệu chứng âm tính, dương tính phù hợp.	1	2	3	4	K	6. Trả lời các câu hỏi của người tham gia.	1	2	3	4	K	

Nhận xét: _____

Các thành viên đã cùng xem xét, thống nhất bảng đánh giá này.

Học viên ký xác nhận: _____

Người đánh giá ký xác nhận: _____

Ngày: _____

Ngày: _____

¹ Nguồn: Hội đồng Nhân khoa Quốc tế (ICO)

G2 - BẢNG KIỂM KỸ NĂNG KHÁM BỆNH (OCEX SCORING RUBICS)²

	1 = Không đạt	2 = Đạt một phần	3 = Đạt yêu cầu	4 = Vượt quá yêu cầu
Kỹ năng hỏi bệnh				
Giới thiệu bản thân.	Không thực hiện.	Tự giới thiệu là bác sĩ (không giới thiệu là học viên).	Tự giới thiệu là bác sĩ đang tham gia khóa đào tạo chăm sóc mắt trẻ em.	Tự giới thiệu là bác sĩ đang tham gia khóa đào tạo chăm sóc mắt trẻ em và bắt tay NB và người nhà.
Hỏi được lý do đến khám (triệu chứng phàn nàn chính của NB).	Không thực hiện.	Hỏi được triệu chứng phàn nàn chính nhưng không hỏi được các chi tiết liên quan.	Hỏi được triệu chứng chính và các chi tiết chính.	Hỏi được triệu chứng chính, chi tiết chính và các chi tiết có liên quan.
Hỏi bệnh sử.	Không thực hiện.	Có khai thác bệnh sử nhưng thiếu các chi tiết thích hợp.	Khai thác được những chi tiết quan trọng nhất.	Khai thác được bệnh sử với đầy đủ chi tiết thích hợp.
Khai thác các dấu hiệu âm tính phù hợp.	Không khai thác.	Khai thác được vài chi tiết âm tính phù hợp.	Khai thác được các chi tiết âm tính quan trọng.	Khai thác được cả các chi tiết âm tính thích hợp với các biểu hiện liên quan.
Hỏi về triệu chứng đau.	Không thực hiện.	Có hỏi về triệu chứng đau nhưng không khai thác các đặc điểm của đau.	Khai thác được các đặc điểm của đau và phân độ mức đau (0-10).	Khai thác được các chi tiết để phân độ mức đau, các yếu tố giúp giảm đau hoặc đau tăng.
Hỏi về tiền sử dị ứng.	Không khai thác.	Khai thác được các biểu hiện dị ứng thuốc nhưng không khai thác được các triệu chứng chi tiết.	Khai thác được biểu hiện dị ứng thuốc với các triệu chứng chi tiết.	Khai thác được biểu hiện, triệu chứng chi tiết của dị ứng thuốc và môi trường
Hỏi dấu hiệu toàn thân.	Không khai thác.	Khai thác không đầy đủ các biểu hiện bệnh toàn thân.	Khai thác được các yếu tố quan trọng nhất trong bệnh toàn thân.	Không để bỏ sót chi tiết nào.

² Nguồn: Hội đồng Nhân khoa Quốc tế (ICO)

	1 = Không đạt	2 = Đạt một phần	3 = Đạt yêu cầu	4 = Vượt quá yêu cầu
Các thuốc đã sử dụng.	Không khai thác.	Hỏi được danh sách thuốc được sử dụng nhưng không hỏi rõ về hàm lượng và liều lượng.	Hỏi được danh sách thuốc dùng, liều lượng và tần xuất sử dụng.	Hỏi được rõ về danh sách thuốc và thảo dược đang sử dụng.
Tiền sử xã hội.	Không khai thác.	Bỏ sót các chi tiết quan trọng.	Hỏi được các chi tiết quan trọng.	Hỏi được các chi tiết thích hợp có biểu hiện liên quan.
Tiền sử gia đình.	Không khai thác.	Bỏ sót các chi tiết quan trọng.	Hỏi được các chi tiết quan trọng.	Hỏi được các chi tiết thích hợp có biểu hiện liên quan trong phả hệ.
Rửa tay.	Không rửa tay.	Rửa tay nhưng không dùng xà phòng.	Rửa tay với xà phòng.	Rửa tay cả trước và sau khi tiếp xúc với NB.
Khám bệnh				
Đo thị lực.	Không kiểm tra.	Kiểm tra nhưng không chỉnh kính.	Chỉnh kính tốt nhất.	Thực hiện các test bổ sung thích hợp để khám hoặc hỏi bệnh.
Khám đồng tử.	Không kiểm tra.	Kiểm tra phản xạ ánh sáng nhưng không kiểm tra phản xạ liên vận.	Kiểm tra phản xạ ánh sáng và tổn hại đồng tử hướng tâm.	Thực hiện các test bổ sung thích hợp để khám hoặc hỏi bệnh.
Thị trường.	Không kiểm tra.	Thực hiện đo ước lượng thị trường nhưng không hoàn chỉnh.	Thực hiện đo ước lượng thị trường chính xác.	Thực hiện các test bổ sung thích hợp để khám hoặc hỏi bệnh.
Vận nhãn.	Không kiểm tra.	Kiểm tra lác và xoay.	Kiểm tra lác, xoay và thẳng hàng ở vị trí nguyên phát.	Thực hiện các test bổ sung thích hợp để khám hoặc hỏi bệnh.
Khám phần phụ cận.	Không kiểm tra.	Quan sát nhưng không đo đạc.	Khám khe mi và độ lồi nhãn cầu.	Thực hiện các test bổ sung thích hợp để khám hoặc hỏi bệnh.
Khám đèn khe (sinh hiển vi).	Không kiểm tra.	Không khám toàn bộ độ sâu tiền phòng hoặc chỉ khám 1 mắt.	Khám cả 2 mắt và toàn bộ phần trước nhãn cầu.	Thực hiện các test bổ sung thích hợp để khám hoặc hỏi bệnh.
Đo nhãn áp.	Không kiểm tra.	Đo nhãn áp chưa đúng kỹ thuật.	Đo chính xác nhãn áp ở cả 2 mắt.	Thực hiện các test bổ sung thích hợp để khám hoặc hỏi bệnh.
Soi đáy mắt.	Không kiểm tra.	Chỉ khám máy soi gián tiếp hoặc soi trên SHV.	Khám cả máy soi gián tiếp và cả trên SHV.	Thực hiện các test bổ sung thích hợp để khám hoặc hỏi bệnh.

	1 = Không đạt	2 = Đạt một phần	3 = Đạt yêu cầu	4 = Vượt quá yêu cầu
Kỹ năng giao tiếp giữa các cá nhân				
Thái độ tôn trọng.	Thiếu tôn trọng.	Nói cộc lốc, không lắng nghe tất cả các câu hỏi, sự lo ngại của NB.	Lắng nghe NB, giải đáp các thắc mắc, lo ngại của NB.	Hết sức chú ý và giải đáp các câu hỏi, lo ngại của NB.
Diễn đạt dễ hiểu.	Thường xuyên dùng từ chuyên môn.	Đôi khi dùng từ chuyên môn mà NB không hiểu.	Tránh sử dụng hoặc giải thích các thuật ngữ chuyên môn khi sử dụng.	Tránh sử dụng hoặc giải thích các thuật ngữ chuyên môn khi sử dụng, thường xuyên hỏi xem NB có hiểu không.
Giải thích kết quả.	Không giải thích.	Giải thích cộc lốc.	Giải thích đầy đủ các kết quả liên quan.	Giải thích đầy đủ các kết quả và có sử dụng các mô hình, hình ảnh khi giải thích.
Giải thích chẩn đoán.	Không giải thích.	Giải thích cộc lốc.	Giải thích đầy đủ về chẩn đoán	Giải thích cặn kẽ về chẩn đoán và có sử dụng các mô hình, hình ảnh.
Giải thích hướng xử trí.	Không giải thích.	Giải thích cộc lốc.	Giải thích cụ thể hướng xử trí.	Giải thích cụ thể hướng xử trí và kế hoạch làm xét nghiệm, điều trị.
Hỏi xem NB có còn câu hỏi không.	Không hỏi.	Hỏi xem NB có câu hỏi không nhưng không trả lời đầy đủ.	Hỏi và trả lời toàn bộ các câu hỏi của NB.	Hỏi và trả lời toàn bộ các câu hỏi của NB và gia đình NB, đưa số điện thoại để NB liên hệ.
Trình bày ca bệnh				
Xúc tích ngắn gọn/rõ ràng.	Lộn xộn, không rõ ràng.	Có vài điểm lộn xộn.	Rõ ràng, xúc tích, sắp xếp hợp lý.	Chính xác, cô đọng nhưng đầy đủ.
Các dữ liệu khách quan.	Bỏ sót các dữ liệu phù hợp.	Bỏ sót một số dữ liệu hỗ trợ tối thiểu.	Khai thác được toàn bộ các dữ liệu cần thiết.	Khai thác được toàn bộ các dữ liệu phù hợp và bỏ qua các dữ liệu không cần thiết.

	1 = Không đạt	2 = Đạt một phần	3 = Đạt yêu cầu	4 = Vượt quá yêu cầu
Các dấu hiệu dương tính và âm tính phù hợp.	Không đề cập tới.	Đề cập tới một số yếu tố dương tính và âm tính phù hợp.	Khai thác toàn bộ các dấu hiệu dương tính và âm tính phù hợp.	Khai thác được toàn bộ các dấu hiệu dương tính và âm tính phù hợp và loại bỏ các yếu tố không cần thiết.
Chẩn đoán phân biệt.	Không đề cập tới.	Đưa ra một số chẩn đoán phân biệt cơ bản nhưng không đầy đủ.	Đưa ra các chẩn đoán phân biệt đầy đủ.	Chẩn đoán phân biệt đầy đủ và có dẫn chứng trên y văn.
Kế hoạch xử trí thích hợp.	Không đề cập tới.	Đề ra kế hoạch xử trí cơ bản nhưng không đầy đủ.	Đưa ra kế hoạch thích hợp.	Đưa ra kế hoạch thích hợp và có dẫn chứng trên y văn.
Trả lời câu hỏi của người nghe.	Không lắng nghe.	Lắng nghe nhưng trả lời rất ít.	Lắng nghe và trả lời phù hợp.	Trả lời phù hợp và có dẫn chứng y văn.

Học viên: _____

Người đánh giá: _____

Ngày: tháng năm

Ngày: tháng năm

G3 - MẪU ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC PHẪU THUẬT LÁC (LÉ) CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN KHOA QUỐC TẾ (ICO-OSCAR: STRABISMUS)³

		Tập sự (2 điểm)	Mới bắt đầu (3 điểm)	Mới bắt đầu, đã có kỹ năng (4 điểm)	Thành thạo (5 điểm)	Không làm được, GV phải làm (0 điểm)
1	Trái sáng	Không thể tự chuẩn bị NB hoặc trái sáng theo nguyên tắc vô trùng. Không nhận thức được tầm quan trọng của việc xác định mắt và cơ được mổ trước khi trái sáng.	Chuẩn bị NB và trái sáng được nhưng không tuân thủ hoàn toàn nguyên tắc vô trùng. Chưa thành thạo trong việc giữ đúng tư thế đầu của NB.	Có thể chuẩn bị NB và trái sáng đúng theo nguyên tắc vô trùng nhưng còn chậm. Thành thạo việc điều chỉnh tư thế đầu của NB.	Chuẩn bị NB, trái sáng và điều chỉnh tư thế đầu của NB thành thạo.	
2	Test kéo cơ cưỡng bức	Không biết ứng dụng của test cưỡng bức cơ khi có hạn chế vận nhãn.	Biết về test này nhưng không nắm rõ chỉ định và không thực hành được.	Nắm vững chỉ định và có thể thực hiện đúng lúc để phát hiện trở lực lớn hoặc vừa.	Có thể sử dụng test để xác định mức độ trở lực cơ giới và ứng dụng kết quả để xác nhận kế hoạch phẫu thuật.	
3	Cố định nhãn cầu	Có thể mô tả một phương pháp cố định nhãn cầu nhưng không thực hành được.	Có thể mô tả một phương pháp cố định nhãn cầu nhưng phải được trợ giúp mới thực hiện được.	Có thể thực hiện một phương pháp cố định nhãn cầu với sự hỗ trợ tối thiểu bằng lời.	Có thể thực hiện độc lập, thành thạo một phương pháp cố định nhãn cầu.	

³ Nguồn: Hội đồng Nhân khoa Quốc tế (ICO)

		Tập sự (2 điểm)	Mới bắt đầu (3 điểm)	Mới bắt đầu, đã có kỹ năng (4 điểm)	Thành thạo (5 điểm)	Không làm được, GV phải làm (0 điểm)
4	Mở kết mạch và tách bao Tenon	Không mô tả được đường rạch qua vùng rìa hoặc cùng đồ trong phẫu thuật cơ trực.	Có thể mô tả nhưng không thực hiện được đường rạch qua cùng đồ hoặc vùng rìa.	Có thể thực hiện rạch kết mạch qua cùng đồ hoặc vùng rìa nhưng chưa thành thạo, phải hướng dẫn.	Có thể thực hiện độc lập cả rạch kết mạch qua cùng đồ hoặc vùng rìa thành thạo.	
5	Lấy cơ trực	Không mô tả được kỹ thuật lấy cơ trực và không thực hành được.	Có thể mô tả đúng kỹ thuật nhưng không lấy được cơ trực ngay từ lần đầu tiên.	Lấy được cơ trực ngay từ lần đầu tiên nhưng chưa thành thạo.	Lấy cơ trực thành thạo, chính xác ngay lần đầu.	
6	Bộc lộ cơ trực	Không mô tả đúng được kỹ thuật phẫu tích để bộc lộ cơ trực.	Có thể mô tả kỹ thuật phẫu tích bộc lộ cơ nhưng khi thực hiện các bước cơ bản vẫn cần có sự chỉ dẫn.	Có thể thực hiện bộc lộ cơ đơn thuần nhưng chậm hoặc/ và hay làm tổn thương cơ hoặc các nhánh động mạch thể mi trước.	Có thể thực hiện thuần thực việc bộc lộ cơ bằng các dụng cụ tù hoặc sắc phù hợp để tránh tổn thương các động mạch thể mi trước.	
7	Đặt chỉ cơ	Không mô tả tỉ mỉ được kỹ thuật đặt chỉ cơ.	Có thể mô tả tỉ mỉ được kỹ thuật đặt chỉ cơ. Phải làm lại nhiều lần việc kẹp kim, nhả kim. Đặt chỉ chưa thành thạo. Cần trợ giúp để đặt được chỉ.	Đặt chỉ được nhưng chưa thành thạo. Còn gây chảy máu và làm tổn thương sợi cơ. Cần giám sát để thực hiện các mũi chỉ khoá nối 2 đầu cơ.	Có thể khâu cố định cơ độc lập an toàn, chính xác và thành thạo với tổn thương tổ chức tối thiểu.	

		Tập sự (2 điểm)	Mới bắt đầu (3 điểm)	Mới bắt đầu, đã có kỹ năng (4 điểm)	Thành thạo (5 điểm)	Không làm được, GV phải làm (0 điểm)
8	Cắt cơ trực	Không mô tả được kỹ thuật cắt cơ trực.	Có thể mô tả nhưng khi cắt cân cơ còn gây đứt chỉ đã được đặt trước hoặc làm tổn thương củng mạc.	Có thể cắt cân cơ nhưng còn gây chảy máu nhiều hoặc để mô cơ bám vào củng mạc. Đôi khi vẫn cần lời chỉ dẫn.	Có thể cắt cơ trực an toàn và thành thạo.	
9	Sử dụng thước đo củng mạc, com-pa	Không đánh dấu củng mạc được bằng com-pa hoặc không kiểm tra chế độ đặt của thước để xác nhận định lượng chính xác hoặc động tác ấn com-pa lên củng mạc còn thô bạo. Không hiểu sự khác biệt có thể giữa số đo độ cung và số đo độ dài.	Có thể đánh dấu củng mạc nhưng thường đo không vuông góc với vị trí bám cơ trực nguyên uỷ. Có kiểm tra thước com-pa để đo chính xác. Hiểu được số đo độ cung và số đo độ dài.	Có thể đánh dấu củng mạc chính xác nhưng dấu mờ vì không chuẩn bị sẵn sàng để luôn kim.	Có thể đánh dấu củng mạc chính xác và thành thạo bằng com-pa hoặc thước đo củng mạc sẵn có và chuẩn bị sẵn để luôn kim ngay sau khi đánh dấu củng mạc.	

		Tập sự (2 điểm)	Mới bắt đầu (3 điểm)	Mới bắt đầu, đã có kỹ năng (4 điểm)	Thành thạo (5 điểm)	Không làm được, GV phải làm (0 điểm)
10	Khâu đính cơ: kỹ thuật luồn kim trong củng mạc	Không mô tả được kỹ thuật luồn kim trong củng mạc.	Có thể mô tả kỹ thuật luồn kim trong củng mạc an toàn nhưng không đưa kim đúng theo hướng tiếp tuyến với nhãn cầu; không mở khoá nhả kim trước hoặc mở khoá kim nhẹ nhàng sau khi luồn kim qua củng mạc. Không điều chỉnh tốt độ sâu và chiều dài đường luồn kim.	Luồn kim an toàn theo hướng tiếp tuyến với nhãn cầu. Quan sát đầu kim sau khi đi vào củng mạc, không gặp khó khăn để đưa kim thoát ra nhưng đường luồn kim thường quá ngắn hoặc nông. Gây lún cơ tối thiểu.	Tiếp cận nhãn cầu với đường kim đi theo hướng tiếp tuyến để tạo đường luồn kim đủ sâu, đủ dài đều đặn. Không gây biến dạng nhãn cầu khi đính cơ.	
11	Khâu kết mạc (nếu có)	Không khâu được kết mạc. Không phân biệt được bao Tenon với kết mạc.	Có thể thực hiện việc khâu kết mạc đơn thuần nhưng chậm và phải cần chỉ dẫn. Cần khâu mũi bổ sung.	Có thể khâu kín kết mạc theo các bình diện nhưng còn chậm.	Có thể khâu kết mạc thành thạo và an toàn.	
	Các chỉ số chung					
12	Kiểm soát chảy máu	Không mô tả được kỹ thuật phẫu tích, đặt chỉ và tách cơ để tránh chảy máu và/hoặc không mô tả được kỹ thuật cầm máu.	Có thể mô tả được kỹ thuật đề phòng và kiểm soát chảy máu nhưng cần chỉ dẫn để thực hiện phẫu tích, đặt chỉ, tách cơ và hạn chế chảy máu.	Thực hiện đúng kỹ thuật tránh chảy máu và có thể cầm máu bằng đầu đốt khi cần nhưng phải làm nhiều lần và có thể để lại tàn than.	Thực hiện tốt kỹ thuật tránh chảy máu và cầm máu thành thạo bằng đầu đốt khi cần.	

		Tập sự (2 điểm)	Mới bắt đầu (3 điểm)	Mới bắt đầu, đã có kỹ năng (4 điểm)	Thành thạo (5 điểm)	Không làm được, GV phải làm (0 điểm)
13	Thao tác trên mô, cơ	Thực hiện các động tác trên mô, cơ quá thô bạo hoặc rụt rè. Làm tổn thương mô, cơ ngoài ý muốn (bao gồm cả việc làm trượt biểu mô giác mạc.	Biết kỹ thuật tránh tổn thương mô và chảy máu nhưng cần kèm cặp để hoàn chỉnh các thao tác. Có thể gây tổn thương biểu mô mức độ vừa.	Không gây tổn thương mô ngoài ý muốn nhưng đôi khi cần nhiều động tác mới hoàn thành thao tác. Có thể gây tổn thương biểu mô mức độ nhẹ.	Thao tác kỹ thuật đúng, thành thạo và hầu như hoàn thành thao tác trên mô, cơ ngay từ động tác thứ nhất.	
14	Hiểu biết về dụng cụ	Chỉ biết những dụng cụ thường qui như “móc lác” và “panh kẹp” nhưng không biết về các loại kim, chỉ phẫu thuật.	Biết về các loại dụng cụ phẫu thuật nhưng không đầy đủ theo đúng tên và chỉ biết các cỡ chỉ, chất liệu chỉ mà không biết các loại kim.	Biết hầu hết các dụng cụ phẫu thuật theo đúng tên gọi và có thể nhận biết chỉ phẫu thuật các cỡ, các chất liệu nhưng không biết về các loại kim phẫu thuật.	Biết hết các dụng cụ phẫu thuật theo tên gọi và có thể nhận biết chỉ phẫu thuật các cỡ, các chất liệu làm chỉ và các loại kim phẫu thuật.	
15	Kỹ thuật cầm kim trong cầm kẹp kim	Thường kẹp kim sai.	Kẹp kim đúng hướng thuận tay nhưng đôi khi kẹp nhầm theo hướng không thuận tay. Đặt kim quá gần hoặc quá xa phần đầu kim.	Kẹp kim đúng hướng thuận tay và hướng không thuận nhưng chậm và hay phải làm lại.	Kẹp kim đúng và thành thạo ở cả hướng thuận tay và hướng không thuận.	

		Tập sự (2 điểm)	Mới bắt đầu (3 điểm)	Mới bắt đầu, đã có kỹ năng (4 điểm)	Thành thạo (5 điểm)	Không làm được, GV phải làm (0 điểm)
16	Kỹ thuật thắt nút chỉ phẫu thuật	Không biết thắt nút chỉ.	Phải làm lại nhiều lần mới thắt xong nút chỉ kép đầu (hai vòng) và nút chỉ khóa và/hoặc làm lỏng nút chỉ đầu khi cố thắt nút chỉ khóa.	Có thể thắt nút chỉ kép đầu (hai vòng) và nút chỉ khóa và không làm lỏng chỉ ngoài ý muốn.	Có thể thắt chỉ thành thạo, đúng kỹ thuật.	
17	Giao tiếp với các thành viên kíp phẫu thuật	Không nắm được chức năng nhiệm vụ của các thành viên. Không tự tin hoặc chủ quan. Không xác lập được giao tiếp tốt với cả nhóm. Không biết yêu cầu trợ giúp từ người tiếp dụng cụ bằng các tên qui ước của dụng cụ, kim chỉ phẫu thuật và/hoặc các y lệnh cho người phụ không rõ ràng hoặc không phù hợp.	Biết chức năng của các thành viên chính trong kíp phẫu thuật. Không tự tin. Có vấn đề trong giao tiếp với các thành viên kíp phẫu thuật. Có thể yêu cầu lấy dụng cụ, chỉ phẫu thuật cho người tiếp dụng cụ bằng tên qui ước nhưng y lệnh cho người phụ mờ còn chưa mạch lạc để bảo đảm phẫu thuật an toàn.	Biết chức năng của mỗi thành viên kíp phẫu thuật. Tương đối tự tin và giao tiếp tốt các thành viên. Có mối liên hệ công việc tốt. Có thể yêu cầu người phụ lấy hầu hết những dụng cụ, kim chỉ cần thiết bằng tên qui ước theo đúng trình tự. Có thể ra y lệnh phối hợp thích đáng cho người phụ lành nghề nhưng còn chưa tốt cho người còn có ít kỹ năng.	Biết chức năng của mỗi thành viên kíp phẫu thuật. Tự tin và giao tiếp tốt với các thành viên. Có mối liên hệ công việc tốt. Có thể yêu cầu mạch lạc các dụng cụ, kim chỉ cần thiết bằng tên qui ước theo đúng trình tự. Có thể ra y lệnh phối hợp rõ ràng cho người phụ.	

Đánh giá chung về mức độ khó khăn gặp phải trong thực hiện các qui trình phẫu thuật:

Đơn giản, không khó

Khó vừa

Rất khó

Các điểm mạnh: _____

Đề xuất hướng đào tạo tiếp theo: _____

Kế hoạch tổng nhất: _____

Người đánh giá ký _____

Học viên ký _____

G4 - BẢNG KIỂM AN TOÀN PHẪU THUẬT

ĐƯA NGƯỜI BỆNH VÀO (SIGN IN)



TRƯỚC PHẪU THUẬT (TIME OUT)



ĐƯA NGƯỜI BỆNH RA (SIGN OUT)

Trước khi gây mê/ gây tê	
BS gây mê ↓	
NB (hoặc người giám hộ)*, xác nhận danh tính, phương pháp phẫu thuật, mất phẫu thuật và cam kết phẫu thuật	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không
Đánh dấu vùng phẫu thuật	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không
Máy đo SpO ₂ được gắn trên NB và hoạt động bình thường.	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không
Thuốc và thiết bị gây mê đã được kiểm tra đầy đủ	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không
Ký cam kết phẫu thuật	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không
Tiền sử dị ứng (bao gồm cả Latex)	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không
Tuân thủ yêu cầu “không ăn - không uống”?	<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không
- Đường thở khó/nguy cơ sặc? <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Có và có sẵn thiết bị - Nguy cơ mất máu trên 500ml (7ml/kg ở trẻ em)? <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Có, và có sẵn hai đường truyền tĩnh mạch/trung tâm và dịch truyền theo kế hoạch	

THÔNG TIN CHI TIẾT CỦA NGƯỜI BỆNH	
Họ và tên:	
Ngày sinh/ Tuổi:	
Giới:	
Mã số bệnh án:	
Ngày:	

Trước khi tiến hành phẫu thuật
Kíp phẫu thuật giới thiệu tên và vai trò của từng người <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không
Phẫu thuật viên và ê kíp phẫu thuật xác nhận bằng lời: <input type="checkbox"/> Tên NB <input type="checkbox"/> Số hồ sơ <input type="checkbox"/> Phương pháp phẫu thuật dự kiến <input type="checkbox"/> Đã đánh dấu mất mổ <input type="checkbox"/> Đặt kính nội nhãn: <input type="checkbox"/> Loại IOL <input type="checkbox"/> Công suất IOL
Phẫu thuật viên: Bảo vệ mắt không phẫu thuật: <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <i>Nếu có, <input type="checkbox"/> Băng dán <input type="checkbox"/> Khuôn bảo vệ</i> <input type="checkbox"/> Đã chuẩn bị đúng dụng cụ theo yêu cầu <input type="checkbox"/> Kíp mổ đã được thông tin về các bước phẫu thuật
Điều dưỡng phụ mổ: <input type="checkbox"/> Dụng cụ phẫu thuật đã được vô trùng <input type="checkbox"/> Vùng phẫu thuật đã được sát trùng <input type="checkbox"/> Kíp mổ đã được thông tin về các bước phẫu thuật
Có dùng thuốc phòng nhiễm trùng phẫu thuật không? <ul style="list-style-type: none"> • Dùng kháng sinh • Kiểm soát đường huyết <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không

Khi kết thúc phẫu thuật
Điều dưỡng phụ mổ xác nhận với kíp mổ: <input type="checkbox"/> Đã đếm đủ dụng cụ, chỉ phẫu thuật <input type="checkbox"/> Giải phẫu bệnh /xét nghiệm vi sinh <input type="checkbox"/> Đã dán nhãn bệnh phẩm <input type="checkbox"/> Vấn đề trang thiết bị <i>Nếu có, mô tả chi tiết rõ ràng</i>
Phẫu thuật viên, gây mê và điều dưỡng: <input type="checkbox"/> Những vấn đề chính về hồi sức và chăm sóc NB sau mổ? (Ghi rõ)

CHỮ KÝ	
Phẫu thuật viên	
Bác sĩ gây mê	
Điều dưỡng, phụ mổ	

Ghi chú quan trọng	
1.	*Trẻ em (<18 tuổi)
2.	Bảng kiểm phải được hoàn tất cho mọi NB và dán vào bệnh án ở cạnh phiếu cam kết phẫu thuật.
3.	Thông tin về NB trong bảng kiểm này có thể không đầy đủ. Những thông tin khác về NB phải được ghi chép trong bệnh án.